

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 05/2019/DSST

Ngày 25/3/2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình

2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: tham gia phiên tòa có ông Nguyễn Minh Hậu – KSV.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* A **Võ Hoàng A**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã S, huyện Đ, tỉnh KG

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện Đ, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn anh Võ Hoàng A trình bày:**

Vào ngày 19/02/2018 (tức ngày 04/01 âm lịch), ông Võ Văn H và vợ Nguyễn Thị T có vay tiền số tiền 300.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận là 1,6%/tháng. Trong Giấy vay tiền, tôi có ghi rõ khi nào cần lấy số tiền trên thì ông bà phải có trách nhiệm trả cho tôi. Sau đó tôi có nghe ông H, bà T bán đất nên có đến yêu cầu ông bà trả tiền nhưng ông H hứa rất nhiều lần và đến nay vẫn chưa trả.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xem xét giải quyết, buộc ông H, bà T phải trả cho tôi số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi 1,6%/tháng tính từ ngày 19/02/2018 đến nay.

*** Bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị T:** Mặc dù Tòa án đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng tại địa chỉ nhà của ông H và bà T nhưng ông H, bà T vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung đơn khởi kiện của anh Võ Hoàng A nên không có lời khai của vợ chồng ông H, bà T tại Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 27 đến Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị HĐXX xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ traA chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H, bà T.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở xác định rằng: Vào ngày 19/02/2018

ông Võ Văn H có vay của anh Võ Hoàng A số tiền 300.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận nợ đề ngày 04/01/2018 (AL) tại bút lục số 19. Trong suốt thời gian thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo các thủ tục tố tụng cho phía ông H và bà T nhưng bà T không nhận nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 06/11/2018 đại diện Tòa án đã đến tận nhà làm việc với bà T, bà xác định không biết về việc vay tiền của ông H và hiện nay ông H đã bỏ địa phương đi, không liên lạc gì với gia đình... Sau khi lời khai được ghi nhận trong biên bản, bà T được nghe lại, công nhận lời khai là đúng tuy nhiên không đồng ý ký tên vào biên bản.

Do không thu thập được lời khai của ông H nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của ông Võ Văn H. Tại Kết luận giám định số 100/KL-KTHS ngày 24/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Võ Văn H” dưới mục người mượn tiền trong biên nhận nợ so với chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Võ Văn H” trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy có cơ sở xác định ông Võ Văn H đã ký tên vào Giấy mượn tiền để vay của A Võ Hoàng A số tiền 300.000.000 đồng, nay ông H không thực hiện việc trả nợ cho A Võ Hoàng A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên việc A Hoàng A khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền vay là có căn cứ để chấp nhận.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định như sau: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

Đối với tiền lãi: Căn cứ vào Giấy mượn tiền được ký kết giữa các bên, lãi suất theo thỏa thuận là 1,6%/tháng phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được HĐXX chấp nhận. Cụ thể lãi suất ông H phải chịu tính từ ngày 19/2/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 300.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 13 tháng = 62.400.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi ông H phải trả cho A Võ Hoàng A là 300.000.000 đồng + 62.400.000 đồng = 362.400.000 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa, A Võ Hoàng A trình bày: Do bà T không biết gì về việc vay tiền của ông H nên A Hoàng A yêu cầu được rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện, không yêu cầu bà T có trách nhiệm liên đới cùng với ông H trả số tiền nợ gốc và lãi nên HĐXX chấp nhận đình chỉ đối với yêu cầu này của A Võ Hoàng A.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn A Võ Hoàng A; buộc ông H phải có trách nhiệm trả cho A Võ Hoàng A số tiền gốc và lãi là 362.400.000 đồng.

4. Về án phí:

- Ông H phải chịu án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật.
- A Hoàng A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Hoàng A đối với bị đơn ông Võ Văn H.

Buộc ông Võ Văn H phải có trách nhiệm trả cho anh Võ Hoàng A số tiền gốc và lãi là **362.400.000 đồng** (Ba trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hoàng A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với ông Võ Văn H.

3/ Về án phí DSST:

- Ông Võ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.120.000 đồng (Mười tám triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng).

- Anh Võ Hoàng A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.980.000 đồng (Bảy triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006858 ngày 11/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc